



<http://www.equaledu.org>

VERB PAST TENSE

Word Ending	(sound with "D" or "T")	Pronunciation
d / de	end	ended /id/
	sound	sounded /id/
	need	needed /id/
	decide	decided /id/
t / te	want	wanted /id/
	fit	fitted /id/
	hunt	hunted /id/
	vote	voted /id/
	hate	hated /id/

kết thúc
phát biểu
cần
quyết định

muốn
phù hợp
sân bắt
bỏ phiếu
ghét

Word Ending	(silent sound)	Pronunciation
ch	watch	watched /t/
	switch	switched /t/
	snatch	snatched /t/
f / ff / gh	stuff	stuffed /t/
	sniff	sniffed /t/
	miff	miffed /t/
	cough	coughed /t/
	laugh	laughed /t/
h / sh	wash	washed /t/
	wish	wished /t/
	bash	bashed /t/
	push	pushed /t/
k / ke	lock	locked /t/
	cook	cooked /t/
	walk	walked /t/
	ask	asked /t/
	fake	faked /t/
p	hop	hopped /t/
	sip	sipped /t/
	whip	whipped /t/
	help	helped /t/
	mop	mopped /t/
	slip	slipped /t/
x / s / ss	kiss	kissed /t/
	toss	tossed /t/
	mix	mixed /t/
	tax	taxed /t/
	box	boxed /t/
ce / se / xe / ge	slice	sliced /t/
	dance	danced /t/
	promise	promised /t/
	abuse	abused /t/
	vexe	vexed /t/
	flexe	flexed /t/
	change	changed /t/
	wage	waged /t/

xem
chuyển đổi
giặt

đồ
ngửi
khó chịu
ho
cười
sống khó khăn

rửa
ước
đập
xô

khóa
nấu
đi bộ
hỏi
giả mạo

nhảy
hóp
roi đánh
giúp
lau
trượt

hôn
ném
trộn
thuế
bỏ vào hộp

cắt
nhảy
hứa
lạm dụng
khó chịu
uốn cong
thay đổi
tiến hành

Word Ending	(vowel sound & voiced)	Pronunciation
a / e / i / o / u	lie	lied /d/
	ski	skied /d/
	veto	vetoes /d/
	snafu	snafued /d/
	cry	cried /d/
b	nab	nabbed /d/
	rob	robbed /d/
	climb	climbed /d/
g	gag	gagged /d/
	beg	begged /d/
	sag	sagged /d/
l / ll	fool	fooled /d/
	kill	killed /d/
m	gleam	gleamed /d/
	seem	seemed /d/
	claim	claimed /d/
n	clean	cleaned /d/
	join	joined /d/
	ban	banned /d/
r	roar	roared /d/
	clear	cleared /d/
	soar	soared /d/
v / ve	wave	waved /d/
	shave	shaved /d/
	weave	weaved /d/
w	arrive	arrived /d/
	swallow	swallowed /d/
y	follow	followed /d/
	toy	toyed /d/
	stay	stayed /d/
z / se	buzz	buzzed /d/
	whiz	whizzed /d/
	raise	raised /d/
	fuse	fused /d/
	close	closed /d/
th	breathe	breathed /d/
	scathe	scathed /d/
	wreath	wreathed /d/
	bathe	bathed /d/
j / ge	bridge	bridged /d/
	hinge	hinged /d/
	age	aged /d/
ng	bang	banged /d/
	ping	pinged /d/
	long	longed /d/

nói dối
trượt tuyết
phủ quyết
lỗi
khóc

bắt cóc
cướp
leo

bịt miệng
cầu xin
lún xuống

lừa gạt
kéo
giết

lấp lánh
cỏ vè
yêu cầu

lau dọn
tham gia
cấm

gầm
đẹp
bay cao

vẫy tay
cạo
đệt
đến

nuốt
theo dõi

chơi đùa
ở lại

tiếng vo ve
tiếng rít
nâng cao
cầu chì
đóng

hít thở
làm tổn thương
treo tràng hoa
tắm

bắc cầu
bản lề
tuổi

đập mạnh
tiếng réo
ao ước

Irregular "Past Tense" Verb			
Present	Past	* Past Participle (had, has/has, will have)	
arise	arose	arisen	nảy sinh
is/are	was/were	was/were	thì là ở
begin	began	begun	bắt đầu
beat	beat	beaten	đánh đập
bite	bit	bitten/bit	cắn
break	broke	broken	ngỡ
dive	dove	dived	lặn
draw	drew	drawn	vẽ
drive	drove	driven	lái xe
fall	fell	fallen	ngã
fly	flew	flown	bay
freeze	froze	frozen	đông cứng
give	gave	given	đưa cho
go	went	gone	đi
grow	grew	grown	mọc lên
hide	hid	hidden	ẩn giấu
know	knew	known	biết
ride	rode	ridden	lái
rise	rose	risen	trỗi dậy
shake	shook	shaken	lắc
show	showed	shown	chỉ, biểu lộ
shrink	shrank	shrunk	co lại
sing	sang	sung	hát
slay	slew	slain	giết, ám sát
spring	sprang	sprung	nhảy, bung lên
steal	stole	stolen	ăn cắp, ăn trộm
swear	swore	sworn	thề
swim	swam	swum	bơi
take	took	taken	cầm lấy
tear	tore	torn	xé
throw	threw	thrown	ném
wear	wore	worn	mặc vào
write	wrote	written	viết